TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA VIỄN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ - ST
Ngày 20-04-2023.
V/v: "xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** ông Đinh Xuân Tưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Trị.

2. Ông Nguyễn Văn Tăng.

Thư ký phiên toà: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa:*** bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Viễn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2023/TLST- HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc: *"xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* chị Trần Thị L, sinh năm 1988.

Bị đơn: anh Bùi Văn G, sinh năm 1983.

Đều trú tại: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị L có mặt tại phiên tòa, anh G vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: tôi và anh Bùi Văn G được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Xuân, huyện Gia Viễn vào ngày 22-01-2010. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại thôn V, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và có những lời lẽ thiếu tôn trọng nhau.

Mặt khác anh G thường xuyên uống rượu và nghi ngờ lòng chung thủy của tôi và có những hành vi bạo lực đối với tôi. Tháng 8/2022, tôi đã làm đơn xin ly hôn với anh G nhưng sau đó tôi đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn với nhau nhưng không có kết quả. Đến nay tôi thấy tình cảm vợ chồng tôi không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Văn G.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung tên là cháu Bùi Trọng Bảo A, sinh ngày 26-03-2013 và cháu Bùi Trần Minh Ng, sinh ngày 10-12-2015. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tống đạt trực tiếp, niêm yết các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh G vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2023, chính quyền địa phương nơi anh G cư trú cho biết: anh Bùi Văn G và chị Trần Thị L có đăng ký kết hôn với nhau hợp pháp tại UBND xã Gia Xuân vào ngày 22-01-2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh G, chị L có đăng ký hộ khẩu thường trú và chung sống với nhau tại thôn V, xã G, huyện G. Anh G và chị L chung sống hạnh phúc cho đến vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh G thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi đánh chửi chị L khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại anh G vẫn sinh sống tại địa chỉ đã đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn V, xã G, huyện G. Anh G không đăng ký tạm vắng, tạm trú ở nơi khác. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh G đã thật sự trầm trọng, cơ hội để vợ chồng đoàn tụ là rất thấp. Đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Về điều kiện nuôi con vợ chồng anh G và chị L có hai con chung là cháu Bùi Trọng Bảo A, sinh ngày 26-03-2013 và Bùi Trần Minh Ng, sinh ngày 10-12-2015. Trong thời gian chung sống, cả anh G và chị L đều không ai vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ; cả hai có sức khỏe tốt. Tuy nhiên, bản thân anh G thường xuyên phải đi làm ăn xa nên điều kiện chăm sóc con cái là hạn chế. Chị L hiện nay có công việc và thu nhập ổn định và các cháu hiện nay đang do mình chị L chăm sóc rất ổn định. Do đó để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các cháu khi bố mẹ ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giao cháu A và Ng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản

1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị Trần Thị Li được ly hôn với anh Bùi Văn G; về con chung đề nghị giao các cháu Bùi Trọng Bảo A và Bùi Trần Minh Ng cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A và Ngọc đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L với mức 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi cháu A và Ng đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: chị Trần Thị L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp. Anh Bùi Văn G phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bùi Văn G có địa chỉ tại thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Bùi Văn G là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau tại thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bản thân anh Giang thường xuyên uống rượu, ghen tuông rồi đánh chửi chị L khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Chị L khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, chị không còn yêu thương anh G nữa. Bản thân anh G không có mặt tại Tòa án để làm việc, trong khi anh G vẫn đang sinh sống tại thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ anh G không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Bùi Văn G đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L. Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Trần Thị L và anh Bùi Văn G có hai con chung là cháu Bùi Trọng Bảo A, sinh ngày 26-03-2013 và cháu Bùi Trần Minh Ng, sinh

ngày 10-12-2015. Xét thấy hiện nay cháu A và Ng đang được chị L chăm sóc rất tốt. Bản thân chị L có công việc ổn định và thu nhập khá, còn anh G thường xuyên uống rượu và đi làm ăn xa. Bản thân cháu A và Ng cũng có nguyện vọng muốn được ở với chị L khi bố mẹ ly hôn. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu A và Ng nên cần giao cháu Bùi Trọng Bảo A và Bùi Trần Minh Ng cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A và Ng đủ 18 tuổi. Đối với yêu cầu của chị L buộc anh Bùi Văn G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi cháu A và Ng đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện nay anh G là lao động tự do tại địa phương với mức thu nhập bình quân hàng tháng là 6.000.000 đồng. Do đó, với yêu cầu cấp dưỡng mức 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng của chị L sẽ không đảm bảo cuộc sống cho anh G. Vì vậy cần chấp nhận 1 phần yêu cầu của chị L, buộc anh Bùi Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L với mức 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi cháu A và Ng đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh Bùi Văn G phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Bùi Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Bùi Văn G.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Trọng Bảo A, sinh ngày 26-03-2013 và cháu Bùi Trần Minh Ng, sinh ngày 10-12-2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A và Ng đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị L với mức 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 con/1 tháng, kể từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu A và Ng đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004107, ngày 31-10-2022. Anh Bùi Văn G phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh Ninh Bình;*
- *VKS huyện Gia Viễn;*
- *Chi cục THADS Gia Viễn;*
- *UBND xã Gia Lập;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

Đinh Xuân Tưởng